

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 304/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27/7/2026

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Trung Tuyển ;

Ông Trần Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 tham gia phiên tòa: Ông Vũ Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2026/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2026 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số 59/QĐST ngày 09/7/2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1962; CCCD số: 036162004004; Địa chỉ: Thôn N (thôn B) cũ, xã X, tỉnh Ninh Bình;

* *Bị đơn:* Ông Vũ Đức K, sinh năm 1960; CCCD số: 036060013528; Địa chỉ: Thôn N (thôn B) cũ, xã X, tỉnh Ninh Bình.

(bà L vắng mặt đã có đơn xin giải quyết vắng mặt; ông K vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Vũ Đức K tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đã được UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định (cũ) nay là xã X, tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1981. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc từ khi cưới đến khoảng giữa năm 2025 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau do tính cách, lối sống không hòa hợp; vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Tuy vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai.

Các con đã động viên, khuyên giải để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn tan vỡ, không thể hàn gắn nên nguyện vọng của bà xin được ly hôn với ông Vũ Đức K.

Về con chung: Bà và ông K có 03 con chung là Vũ Đức C, sinh ngày 01/9/1982; Vũ Thị H, sinh ngày 24/5/1984 và Vũ Đức C1, sinh ngày 15/6/1986. Hiện các con của ông bà đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Vũ Đức K, ông K có mặt ở địa phương nhưng ông K không nhận văn bản. Tòa án đã làm thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng nhưng ông K cũng không đến Tòa án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản của mình cho Tòa án về việc bà L xin ly hôn ông.

Kết quả thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã X như sau: Bà L và ông K đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X (cũ) đăng ký kết hôn năm 1981 là đúng. Nay bà L xin ly hôn ông K, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông bà có 03 con chung là Vũ Đức C, sinh ngày 01/9/1982; Vũ Thị H, sinh ngày 24/5/1984 và Vũ Đức C1, sinh ngày 15/6/1986. Hiện các con của ông bà đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ đề nghị Hội đồng xét xử: Xử lý hôn giữa bà Lê Thị L và ông Vũ Đức K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Vũ Đức K có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn vào năm 1981 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định (cũ). Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên không tìm được tiếng nói chung. Gia đình cũng đã tác động để vợ chồng tìm giải pháp giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Bà L xin ly hôn ông K, ông K không nhận văn bản tố tụng. Tòa án đã làm thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng nhưng ông K

không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến của mình cho Tòa án về việc bà L xin ly hôn ông. Điều đó chứng tỏ ông K không thiết tha mặn mà với cuộc sống chung vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông K đã kéo dài, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Vũ Đức K là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị L và ông Vũ Đức K có 03 con chung là Vũ Đức C, sinh ngày 01/9/1982; Vũ Thị H, sinh ngày 24/5/1984 và Vũ Đức C1, sinh ngày 15/6/1986. Hiện các con của ông bà đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng. Lên vấn đề giải quyết về con chung không đặt ra.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Bà L khụng yêu cầu Tũa ỏn giải quyết nờn khụng xem xột.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa bà Lê Thị L và ông Vũ Đức K.

2. Về án phí: Bà Lê Thị L phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 3251 ngày 24/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình; bà Lê Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 10;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Xuân Giang;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Quốc Tuấn